

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HB
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HS-ST
Ngày 29-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HB, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Hùng Dũng

Ông Huỳnh Tài Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết, Thư ký Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Võ Sử Em - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Huỳnh L (tên gọi khác: K), sinh năm 1980, tại thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: số nhà 055, khóm 8, phường 3, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1956 và bà Đặng Thị Kiều L, sinh năm 1959; Tiền sự: Không; Tiền án: 02 lần. Ngày 23/5/2017, Tòa án nhân dân thành phố BL xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, hình phạt 01 năm 03 tháng tù, chấp hành xong ngày 18/6/2018; Ngày 10/9/2019 bị Tòa án nhân dân huyện HB xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm, hình phạt 01 năm tù, chấp hành xong ngày 13/5/2020, chưa xóa án tích; Nhân thân: Có tiền án. Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2020 đến nay. (Có mặt)

- Bị hại:

1. Nguyễn Văn M, sinh năm 1992 (có mặt)

2. Nguyễn Hồng N, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp NH, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1960 (vắng mặt)

2. Anh Trang Văn V, sinh năm 1990 (vắng mặt)

3. Ông Lê Hoàng S, sinh năm 1964 (vắng mặt)

4. Bà Lê Thị T, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Cùng trú tại ấp NH, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Vào khoảng 04 giờ 00 phút, ngày 10/11/2020 anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1992 đang ngủ trong phòng khách tại nhà thuộc ấp NH, xã MD, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu thì nghe vợ là chị Nguyễn Hồng N đang ngủ trong phòng la lên “*Ăn trộm...ăn trộm*”, anh M ngồi dậy thì thấy một người đàn ông (sau đó bắt quả tang biết là Nguyễn Huỳnh L) trên tay cầm 01 điện thoại di động, chạy ra từ phòng ngủ của chị N; anh M liền truy đuổi đến cửa sau nhà thì L dùng tấm tol ném về phía anh M rồi bỏ chạy ra ngoài, leo lên hàng rào B40 nhảy ra chạy về phía lộ nhựa, anh M cũng leo qua hàng rào tiếp tục truy đuổi, khi đuổi đến mép lộ phía trước nhà thì có ông Nguyễn Văn M1 (cha anh M) do nghe truy hô nên chạy qua cùng truy đuổi, khi đuổi đến nhà ông ST (cách đó khoảng 100m) thì có ông Lê Hoàng S cùng đuổi theo không chế và bắt giữ được đối tượng Nguyễn Huỳnh L và thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, ngoài ra quá trình bắt quả tang tạm giữ: 01 xe máy nhãn hiệu Mio, màu đỏ, biển kiểm soát 69S1-0142, trên xe là 01 túi vải màu đen bên trong gồm có: 05 cây kéo, 03 cây kim, 02 cây dao, 03 cây vít, 01 cây đoản bằng kim loại, 01 cây đèn pin, 01 cây đục; 01 cái bóp màu đỏ đen, bên trong có: 07 tờ giấy cầm đồ, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ Ngân hàng, 01 thẻ bảo hiểm, 01 giấy đăng ký xe biển kiểm soát 67D1-417.96, 01 giấy đăng ký xe biển kiểm soát 69S1-0142, 01 điện thoại di động; bị hại Nguyễn Văn M giao nộp: 01 tấm tol; Nguyễn Huỳnh L giao nộp: 01 cái áo sơ mi dài tay, màu xám, 01 cái quần Jean bằng vải màu đen.

Tại Kết luận định giá số 71/KL-HĐĐG, ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện HB kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung, loại máy Galaxy A30, kiểu máy SM-A305F/DS, dung lượng 64Gb, màu xanh đen, tình trạng đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 10/11/2020 có giá trị là 2.145.000 đồng

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Huỳnh L cho rằng khi bị bắt giữ thì bị cáo không cầm điện thoại trên tay nên không thừa nhận hành vi lấy trộm tài sản của anh Nguyễn Văn M.

Bị hại Nguyễn Văn M và Nguyễn Thị Huỳnh N đã nhận lại tài sản bị mất nên cũng không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Đối với vật chứng thu giữ: Cơ quan điều tra trả cho chủ sở hữu là anh Nguyễn

Văn M 01 tấm tol, tình trạng đã bị bể, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại máy Galaxy A30, màu xanh đen; trả cho Nguyễn Huỳnh L 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, 02 tờ giấy cầm đồ; trả cho Bùi Chúc L (sống chung như vợ chồng với Nguyễn Huỳnh L) 05 tờ giấy cầm đồ do không liên quan đến hành vi phạm tội; chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BL 01 cái bóp màu nâu đỏ bên trong có 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ Ngân hàng, 01 thẻ bảo hiểm, 01 giấy đăng ký xe biển kiểm soát 67D1-417.96 do có liên quan đến vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BL đang thụ lý; chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện HB 01 xe máy nhãn hiệu Mio, màu đỏ, biển kiểm soát 69S1-0142, 01 túi vải màu đen, 05 cây kéo, 03 cây kim, 02 cây dao, 02 cây vít, 01 cây đoản bằng kim loại, 01 cây đèn pin, 01 cây đục, 01 cái áo sơ mi dài tay, màu xám, 01 cái quần Jean bằng vải màu đen.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKSHB ngày 05/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu đã truy tố bị cáo Nguyễn Huỳnh L (tên gọi khác: K) về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm đ, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố luận tội: giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huỳnh L (tên gọi khác: K) phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm đ, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh L từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo 01 xe máy nhãn hiệu Mio, màu đỏ, biển kiểm soát 69S1-0142; 01 cái áo sơ mi dài tay, màu xám, 01 cái quần Jean bằng vải màu đen. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 túi vải màu đen, 05 cây kéo, 03 cây kim, 02 cây dao, 02 cây vít, 01 cây đoản bằng kim loại, 01 cây đèn pin, 01 cây đục.

Bị cáo đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình và trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo không thừa nhận hành vi lấy trộm điện thoại của anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Hồng N. Tuy nhiên, lời trình bày diễn biến sự việc của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và những người làm chứng khác. Bị cáo xác định thời điểm nghe người phụ nữ truy hô có trộm thì phía trong nhà anh M có ánh đèn sáng. Trong khi đó, lời trình bày của anh M và chị N phía trong phòng ngủ của chị N có đèn sáng và qua nhận dạng của các bị hại, lời thừa nhận của bị cáo và bộ quần áo thu được phù hợp với trang phục bị cáo mặc tại thời điểm bị phát hiện, thời điểm dùng tấm tol ném làm anh M bị thương, thời điểm bị cáo bỏ chạy và thời điểm bị bắt giữ.

Mặc khác, theo các chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở chứng minh sau khi nghe chị N truy hô có trộm thì anh M thực hiện ngay việc truy đuổi liên tục với khoảng cách gần (khoảng 02m). Việc xác định của bị cáo phù hợp với lời trình bày của anh M và ông Miên là trước thời điểm bị cáo và anh M chạy ra đến lộ thì đã thấy ông Miên đứng ngoài mép lộ. Bị cáo xác định tại thời điểm bị cáo đến vị trí gần nhà anh M thì xung quanh vắng vẻ không có ai khác ngoài bị cáo. Bị cáo không giải thích được lý do vì sao lại có những lời khai khác nhau về việc xác định thấy bóng người khi thì chạy vô quán gần đó, khi thì chạy về hướng Vĩnh Hưng. Những chứng ngoại phạm của bị cáo trình bày (đi đánh bài, đi đám nhà bạn) qua xác minh đều không có thật. Lời khai bị cáo thay đổi liên tục và không phù hợp với sự thật khách quan nhưng lời thừa nhận của bị cáo lại trùng hợp với lời trình bày của bị hại không chỉ về trang phục mà còn về khoảng cách, nơi bị bắt giữ. Mặt khác, điện thoại anh M được thu giữ tại vị trí bị cáo bị bắt giữ. Theo xác định của bị hại thì trong lúc rượt đuổi nhìn thấy bị cáo cầm điện thoại trên tay, bị cáo cũng thừa nhận khi chạy có cầm điện thoại trên tay nhưng đó là điện thoại của bị cáo. Tuy nhiên, khi bị bắt giữ và thu giữ thì điện thoại bị cáo để trong túi.

Từ những phân tích nêu trên, đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Huỳnh L thực hiện hành vi lấy trộm điện thoại của anh M và chị N. Qua kết quả định giá điện thoại nêu trên có giá trị còn lại là 2.145.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, không chỉ gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương, mà còn gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong người dân, đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Huỳnh L có 02 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Mặc khác, khi bị phát hiện hành vi lấy trộm tài sản, bị cáo có thái độ dùng tấm tol ném anh M gây thương tích để tẩu thoát. Hành vi của bị cáo đã phạm vào các tình tiết định khung quy định tại điểm đ và g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Xét về nhân thân và tăng nặng trách nhiệm hình sự: vì các tình tiết tăng nặng

trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Huỳnh L đã đủ yếu tố định khung nên không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào các tình tiết trên xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, về tính chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo trên cơ sở mức hình phạt đề nghị là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo 01 xe máy nhãn hiệu Mio, màu đỏ, biển kiểm soát 69S1-0142; 01 cái áo sơ mi dài tay, màu xám, 01 cái quần Jean bằng vải màu đen. Tịch thu tiêu hủy 01 túi vải màu đen, 05 cây kéo, 03 cây kim, 02 cây dao, 02 cây vít, 01 cây đoản bằng kim loại, 01 cây đèn pin, 01 cây đục do không có giá trị sử dụng.

[5] Về án phí Hình sự: Bị cáo Nguyễn Huỳnh L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Huỳnh L (tên gọi khác: K) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm đ, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh L 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2020.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo 01 xe máy nhãn hiệu Mio, màu đỏ, biển kiểm soát 69S1-0142; 01 cái áo sơ mi dài tay, màu xám, 01 cái quần Jean bằng vải màu đen. Tịch thu tiêu hủy 01 túi vải màu đen, 05 cây kéo, 03 cây kim, 02 cây dao, 02 cây vít, 01 cây đoản bằng kim loại, 01 cây đèn pin, 01 cây đục.

(Vật chứng đang lưu giữ tại chi cục thi hành án dân sự huyện HB theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/5/2021)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Huỳnh L nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày

bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện KSND huyện HB;
- Viện KSND tỉnh Bạc Liêu;
- CQĐT CA huyện HB;
- Thi hành án hình sự CA huyện HB;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện HB;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm